

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 21/4/2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Không.

2. Ông Trần Minh Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 455/2024/LTST- HNGĐ ngày 23/10/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Bích T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà A, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà A, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/9/2024, các bản tự khai, biên làm việc nguyên đơn bà Ngô Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai năm 2012. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian, nhưng sau này bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tuy sống chung một nhà nhưng không còn ai quan tâm lẫn nhau, ông T1 không lo làm ăn vun vén trong gia đình và thường tụ tập bạn bè ăn chơi. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên

bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Minh T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 04/8/2013 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 23/11/2020. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi cháu Q và giao cháu T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 23/11/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 04/8/2013 cho ông Nguyễn Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông T1, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Ngô Thị Bích T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Bích T và ông Nguyễn Minh T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo bà T thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống vợ chồng không có tiếng nói chung, tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến nhau. Bà xác

định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1. Ngoài ra, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ ông T1 không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Ngô Thị Bích T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 23/11/2020 và giao cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 04/8/2013 cho ông Nguyễn Minh T1 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu T2 đang sống với ông T1 và theo lời khai của bà S là mẹ của ông T1 thì từ trước đến nay gia đình bà luôn hỗ trợ chăm sóc các cháu nay, cháu T2 cũng mong muốn sống với ông T1; cháu Q đang sinh sống cùng với bà T, vì vậy không cần thiết phải thay đổi môi trường sống của các cháu, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà T.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T1 không có lời khai về việc này, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Ngô Thị Bích T. Bà Ngô Thị Bích T được ly hôn ông Nguyễn Minh T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 23/11/2020 cho bà Ngô Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 21/08/2013 cho ông Nguyễn Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Minh T1, bà Ngô Thị Bích T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Ngô Thị Bích T và ông Nguyễn Minh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị Bích T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012572 ngày 23/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Quê (GCNKH số: 75/2012)
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Bảo